TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/DS-PT
Ngày: 25 - 01 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thũy - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 538/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Việt H (chết năm 2021).

Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của ông Hùng là: Bà Nguyễn Kim C2, sinh năm 1964 (vợ ông Hùng); Chị Trần Mỹ D, sinh năm 1986 (con ruột); Anh Trần Minh D2, sinh năm 1991 (con ruột) (có mặt); Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của bà C2, chị D1 và anh D2: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện N, tỉnh Đ .. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị V. Sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Trần Chí H1, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C . (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hồ Tuấn C1. Sinh năm: 1997. (Con bà U), (xin vắng).

2. Anh Hồ Tuấn A. Sinh năm: 1995. (Con bà U), (xin vắng).

3. Ông Hồ Văn M. Sinh năm: 1966. (Chồng bà U), (xin vắng).

4. Bà Trần Thị U. Sinh năm: 1960 (có mặt).

5. Anh Trần Chí T2. Sinh năm: 1996.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

6. Chị Trần Thị Kiều O. Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Phường P, thị x, tỉnh B ..

7. Anh Trần Chí H1. Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C .

8. Chị Trần Thị Cẩm L. Sinh năm: 1988.

9. Chị Trần Thị Bích N. Sinh năm: 1985.

Cùng địa chỉ: Khu p, phường C, Bến C, Bình D ..

Người đại diện hợp pháp của chị N, chị L, chị O, anh T2 là: anh Trần Chí H1 (có mặt).

Do có kháng cáo của: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Phạm Văn T1; bị đơn bà Phạm Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Trần Việt H cùng những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông H là bà Nguyễn Kim C2, chị Trần Mỹ D, anh Trần Minh D2 đồng ý kiến ủy quyền cho anh Phạm Văn T1, thống nhất trình bày:*

Năm 1978, ông Hu cùng cha mẹ là cụ Trần Văn Cao, bà Huỳnh Thị A và anh ruột là ông Trần Minh Phúc khai phá phần đất tọa lạc tại ấp Tắc Năm Căn A, xã Đất Mới huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Năm 1981, ông Hùng đi học xa nhà rồi sau đó về có gia đình riêng và bắt đầu đi làm tại thành phố Cà Mau. Đến năm 1990 thì cụ Cao chia đất thành 02 phần, phần ông Hùng đứng tên và phần của cụ Cao đứng tên. Đến ngày 25 tháng 10 năm 1993, ông Hùng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B547782 với diện tích 29.850 m^2 thuộc thửa 149 và 150 tờ bản đồ số 02 nay là thửa 107, 108 tờ bản đồ số 08. Do diều kiện công tác và bị bệnh chân đi lại khó khăn nên ông Hùng giao phần đất cho ông Phúc là người trực tiếp quản lý canh tác vì ông Phúc là người ở chung với cụ Cao. Do đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ranh giới đất đã có, thẳng từ tiền đến hậu và là chỗ gia đình ruột thịt nên ông Hùng cũng ít về thăm đất, cũng không trực tiếp canh tác mà cho người khác thuê mướn. Đến thời điểm khoản năm 2013 (hết hợp đồng thuê với bà Út ông Mười) thì cụ Cao bệnh nặng, ông Hùng mới về thăm và biết bị mất một phần diện tích đất (không rõ bao nhiêu) nhưng do cha ruột đang bệnh nặng nên chưa yêu cầu giải quyết. Sau khi cụ Cao mất thì ông Phúc cũng lâm bệnh

nặng và mất sau đó một vài năm, rồi đến lượt cụ A lâm trọng bệnh và mất nên sự việc kéo dài đến đầu năm 2019 thì đo đạc lại để xác định diện tích đất bị mất.

Khi đo đạc, xác định được phần diện tích đất bị ông P, bà Va lấn chiếm là phần diện tích đất rẫy từ xưa đã có, khi làm giấy chứng nhận thì phần đất rẫy này vẫn thuộc diện tích đất của ông H nhưng do vợ chồng ông Phúc trực tiếp ở trên đất, quản lý đất nên vợ chồng ông P đã tự ý phá bờ giữa 02 phần đất (đoạn đất làm rẫy) mà lấy bờ phía trong đất của ông Hu làm ranh nhằm lấn chiếm phần diện tích đất.

Nay ông Phúc đã chết và để lại thừa kế cho bà V cùng con ruột Trần Chí T, phần đất bà V nhận nằm giáp ranh đất với ông H nên ông H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị V phải giao trả lại diện tích đã lấn chiếm là 5.757 m^2 (ngang 08m x dài 592m).

** Bị đơn bà Phạm Thị V cùng các con là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Trần Thị Bích N, anh Trần Chí T2, chị Trần Thị Kiều O, chị Trần Thị Cẩm L, anh Trần Chí H1 đồng ý kiến trình bày:*

Nguồn gốc phần đất là do cụ Trần Văn C, cụ Huỳnh Thị A, vợ chồng ông Trần Minh P và Trần Thị U (em ruột ông Phúc) cùng khai phá vào khoảng năm 1986 trở về trước (ban đầu làm rẫy) diện tích cũng không rõ vì lúc đó không đo đạc. Thời điểm này các anh em còn ở chung nhà, làm chung ăn chung không có giao cho ông Phúc hưởng hoa lợi vì đất lúc này chưa phân chia. Đến năm 1990, Nhà nước cho nuôi tôm thì cụ Trần Văn C chia đất làm 02 phần, phần đất tên Trần Văn C và phần đứng tên Trần Việt H, không xác định được diện tích đất.

Cụ C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích khoảng hơn 33.000m^2. Năm 2003, cụ Cao lập di chúc cho ông P toàn bộ phần đất của cụ Cao. Ngày 23/7/2008 ông Phúc được UBND huyện Năm Căn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 34.675,4m^2, đúng với diện tích đất 34.675,4m^2 do cụ Trần Văn Cao đứng tên giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 07/7/2008. Đất cũng không cắm ranh vì là anh em ruột ở gần nhau, làm vuông thì bờ chia đôi.

Gia đình bà V canh tác trên đất đến năm 2014 thì cụ C chết, năm 2015 thì ông P chết. Đến năm 2016, thì tách thửa cho anh Trần Chí T2 12.296 m^2, bà V đứng tên 21.272,3 m^2 (một thửa 19.442,2 m^2 và thửa 1.830,1 m^2 là phần đất có mồ mả ông bà), (diện tích bị mất sau khi tách 03 thửa nêu trên là 443,1 m^2, không rõ lý do mất).

Năm 2018, bà V đi làm ăn ở xa nên cho Trần Thị Mỹ Nương thuê phần đất. Đến năm 2019 thì nhận được thông báo của xã Đất Mới yêu cầu làm việc do ông H yêu cầu trả lại diện tích đất là hơn 5.000 m^2. Qua khởi kiện của nguyên đơn, bà V không đồng ý trả đất vì bà không lấn chiếm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị U, ông Huỳnh Văn Mười, anh Hồ Tuấn A và anh Hồ Tuấn C1:* Tại biên bản xác minh, bà U ông Mười xác định căn nhà trên diện tích tranh chấp là tài chung của gia đình và diện tích đất cất nhà là do nhận tặng cho từ bà Va vào cuối năm 2022 với giá trị khoản 200.000.000 đồng, hiện tại ông bà cùng 02 con là anh Tuấn A và anh Tuấn C1

đang sinh sống tại căn nhà này. Anh Hồ Tuấn A và anh Hồ Tuấn C1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn chưa có ý kiến.

* Đối với bà Trần Thị Mỹ Nương không có đặt ra yêu cầu trong vụ án này về việc thuê quyền sử dụng đất, bà và bà V tự tính toán với nhau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Việt H, buộc bà Phạm Thị V phải giao trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là 2.807 m^2 tại vị trí các điểm M18 – M19 – A4 – M13 – M14 – M15 – M16 – M17 theo bản trích đo hiện trạng bổ sung ngày 15/5/2023 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên Môi trường Dâng Phong cho hàng thừa kế là bà Nguyễn Kim C2, chị Trần Mỹ D và anh Trần Minh D2.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Việt Hùng và những người kế thừa quyền lợi đối với phần diện tích còn lại là 2.873,8 m^2.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/10/2023, đại diện hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà V và những người liên quan giao trả toàn bộ phần đất đã lấn chiếm bằng 5.680m^2.

Ngày 10/10/2023, bị đơn kháng cáo không chấp nhận trả lại diện tích đất cho nguyên đơn như án sơ thẩm tuyên là 2.807m^2.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Đại diện hợp pháp nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Căn cứ kháng cáo: 1/Năm 1993, ông H được cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích 29.850 m^2, thời điểm này cụ C chưa được cấp QSD đất vì qua trích lục hồ sơ không thể hiện. Đến năm 2008 cụ C mới được cấp giấy chứng nhận QSD đất 33.400 m^2 lấn chồng lên phần đất của ông H. 2/Sơ đồ thửa đất ông H được cấp là cạnh thẳng từ tiền đến hậu, nay phần đất bà V giáp ranh ông H có một đoạn cong, là đoạn lấn qua đất ông H. 3/Năm 2008 cấp QSD đất cho cụ Cao, sau đó chuyển tên qua ông P, về thủ tục cấp không đúng, ông H không ký giáp ranh, chính bị đơn thừa nhận người khác ký thay ông Hùng. 4/Thời điểm năm 1993, mặt tiền của hai phần đất tương đương nhau, nhưng hiện nay phần đất của ông H mặt tiền chỉ khoảng 28m ngang; còn phần đất ông P (nay đất bà V và anh T2) thì mặt tiền khoảng 42m ngang, phía gia đình ông P lấn mặt tiền đất ông H khoảng 08m chiều ngang.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; không đồng ý giao trả cho nguyên đơn 2.807 m^2 đất, vì bị đơn không lấn chiếm đất. Hiện trạng đất vẫn giữ nguyên như lúc cụ C quản lý, sử dụng có các con cụ C làm chứng; năm 1992, cụ C có bộ hồ sơ thể hiện phần đất 33.120 m^2, sau đó được cấp 34.675,4 m^2 là do sai số trong quá trình đo đạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn giao trả phần đất lấn chiếm, bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là đúng. Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn và bị đơn kháng cáo.

[2] Quyền sử dụng (viết tắt QSD) đất các đương sự tranh chấp tọa lạc ấp Tắc Năm Căn A, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Nguồn gốc đất là của cụ Trần Văn C (chết năm 2014), cho các con ruột là ông Trần Việt H (chết năm 2021) và ông Trần Minh Phúc (chết năm 2015), ông Phúc chết để lại phần đất cho vợ là bà Phạm Thị V và con trai Trần Chí T2.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị V yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không đồng ý giao trả cho nguyên đơn 2.807 m^2 đất

Năm 1993, ông Trần Việt H được cấp QSD đất diện tích 29.850 m^2; bị đơn bà Phạm Thị V (vợ ông Phúc) trình bày thời điểm năm 1993 cụ C được cấp giấy chứng nhận QSD đất; tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu cơ quan có thẩm quyền và các đương sự cung cấp giấy chứng nhận hoặc hồ sơ cấp đất cho cụ C năm 1993 thì không cung cấp được vì không còn lưu giữ. Hồ sơ thể hiện cụ C được cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích 34.675,4 m^2 vào ngày 07/7/2008; ông Trần Minh P được cụ Cao tặng cho nên ngày 23/7/2008 ông P được chuyển tên QSD đất diện tích 34.675,4 m^2; sau khi ông P chết, QSD đất chia cho vợ con, ngày 04/10/2016 bà Phạm Thị V được cấp QSD đất diện tích 19.442,2 m^2 + 1.830,1 m^2 = 21.272,3 m^2 và Trần Chí T2 được cấp 12.960 m^2.

Theo như đại diện nguyên đơn trình bày, có thời gian giao hết phần đất của ông H cho ông Phúc canh tác, sau này cho người khác thuê, ông H không ở trên phần đất, cho nên năm 2008, khi cụ C được cấp QSD đất, phía ông H không biết và không ký giáp ranh, chính vì vậy diện tích, vị trí đất cấp cho cụ Cao chồng lấn lên đất ông H. Nguyên đơn đưa ra căn cứ để chứng minh là bị đơn lấn chiếm đất của nguyên đơn:

Thứ nhất, ông H được cấp QSD đất từ năm 1993, sơ đồ thửa đất là hai cạnh thẳng từ tiền đến hậu, với diện tích được cấp 29.850 m^2 (chiều ngang mặt tiền khoảng 36m, chiều dài khoảng 800m), nhưng hiện trạng đất hiện nay cạnh giáp đất bà V có đoạn cong.

Thứ hai, năm 1993 ông H được cấp giấy chứng nhận QSD đất, còn phần đất của cụ C đến năm 2008 mới được cấp QSD, nhưng khi cấp QSD cho cụ C thì ông H là người giáp ranh nhưng không ký vào bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, bị đơn xác nhận do ông H ở xa nên nhờ người khác ký, việc ký tên vào biên bản này là một trong các căn cứ để cấp giấy giấy chứng nhận QSD đất, phía bị đơn biết việc làm này không đúng và sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của người giáp ranh đất nhưng vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, ông H cho rằng cụ C và ông P lấn qua phần đất của ông H.

Thứ ba, trên thực tế, tại thời điểm năm 1993, khi chia phần đất làm hai thửa thì mặt tiền của mỗi thửa có chiều ngang tương đương nhau; hiện tại theo đo đạc thực tế chiều ngang mặt tiền đất ông H khoảng 28m, còn đất bà V và anh T2 chiều ngang khoảng 42m. Như vậy, mặt tiền đất ông H mất khoảng 08m.

Thứ tư, sau khi đất bị sạt lở thì diện tích hiện tại của bà V vẫn còn thừa so với giấy chứng nhận QSD đất.

Với những căn cứ trên, bản án sơ thẩm nhận định và quyết định buộc bà V giao trả 2.807m^2 đất cho ông H là có căn cứ.

[4] Xem xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn giao trả quyền sử dụng đất lấn chiếm diện tích 5.680m^2, không đồng ý với quyết định của án sơ thẩm buộc bị đơn giao trả diện tích 2.807m^2

Qua đo đạc thực tế, QSD đất của ông Hùng thiếu 5.680m^2 so với giấy chứng nhận được cấp, nhưng QSD đất của bà V và anh T2 thừa diện tích ít hơn nguyên đơn yêu cầu giao trả. Phía nguyên đơn cho rằng giấy chứng nhận QSD đất cấp cho cụ C là chưa hợp lệ vì ông Hùng không ký giáp ranh, nhưng nguyên đơn không khiếu nại đối với quyết định cấp đất cho cụ C, sau đó cụ C tặng QSD đất cho ông P, sau khi ông P chết thì bà V và anh T2 được thừa kế hợp pháp và giấy chứng nhận QSD đất đứng tên bà V và anh T2 ít hơn diện tích được nhận thừa kế từ ông Phúc.

Theo bị đơn trình bày, hiện trạng đất giữ nguyên như từ khi cụ C canh tác cho đến nay với thời gian rất dài, mỗi bên vẫn sử dụng ổn định phần đất trên thực địa của mình là phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn cho rằng bị lấn chiếm 5.680m^2 nhưng không đưa ra được căn cứ pháp lý về việc bà V lấn 5.680m^2, mà chỉ có cơ sở xác nhận bà V lấn 2.807m^2 và bản án sơ thẩm buộc bà V giao trả cho nguyên đơn diện tích này là phù hợp. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận.

[5] Chi phí tố tụng: Các đương sự không kháng cáo về chi phí tố tụng; tuy nhiên bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên hai bên phải cùng chịu. Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 20.320.000 đồng.

Nguyên đơn đã nộp đủ, buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn 20.320.000 đồng. Bị đơn chậm trả phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người cao tuổi và tại phiên tòa phúc thẩm có yêu cầu xem xét, nên cấp phúc thẩm miễn cho bị đơn.

Án phí dân sự phúc thẩm nguyên đơn phải chịu, bị đơn là người cao tuổi được miễn.

[7] Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn; cấp phúc thẩm chỉ sửa một phần bản án sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và về án phí của đương sự.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử là không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn.

[9] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 92 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 98, Điều 203 Luật đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Việt H, buộc bà Phạm Thị V phải giao trả lại cho hàng thừa kế của ông H là bà Nguyễn Kim C2, chị Trần Mỹ D và anh Trần Minh D2 phần diện tích đất lấn chiếm là 2.807m^2 tọa lạc ấp Tắc Năm Căn A, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, tại vị trí các điểm M18 – M19 – A4 – M13 – M14 – M15 – M16 – M17 theo Bản trích đo hiện trạng bổ sung ngày 15/5/2023 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên Môi trường Dâng Phong.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Việt Hùng và những người kế thừa quyền lợi đối với phần diện tích còn lại là 2.873,8 m^2.

2. Chi phí tố tụng: Buộc bà Phạm Thị V phải thanh toán cho cho bà Nguyễn Kim C2, chị Trần Mỹ Diện và Trần Minh D2 số tiền 20.320.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà Vàng chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị V được miễn.

Bà Nguyễn Kim C2, chị Trần Mỹ D và anh Trần Minh D2 phải chịu án phí 8.621.000 đồng. Ngày 13/01/2020 nguyên đơn đã dự nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, được đối trừ tiền án phí và được nhận lại 3.379.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng. Ngày 20/10/2023 đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Phạm Văn T1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0016318 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, được chuyển thu án phí.

Bị đơn được miễn. Ngày 11/10/2023 bà Phạm Thị V đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0016294 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, được nhận lại.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Hồ Minh Tấn – Châu Minh Hoàng	**Nguyễn Thị Hiền**